TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2024/HS-PT
Ngày: 02/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huấn.

Các Thẩm phán:

1.Ông Nguyễn Văn Hậu

2.Ông Phan Thanh Nguyễn

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2024, tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 188/TLPT-HS ngày 12/6/2024 đối với bị cáo Ksơr M, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3234/2024/QĐXXPT-HS ngày 17/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10494/2024/HSPT-QĐ ngày 17/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 11004/2024/HSPT-QĐ ngày 29/7/2024, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 79/2024/HSST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Ksơr M**; sinh năm 1998 tại tỉnh Đ; nơi đăng ký thường trú: số M đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đ; nơi cư trú: Phòng B nhà trọ số B đường N, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Ê Đê; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Ksơr L và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giữ: 25/08/2023;

Người bào chữa cho *bị cáo Ksơr M*:

1.Luật sư **Dương Phúc H,** Văn phòng luật sư P, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

2.Luật sư **Nguyễn Văn Đ,** Văn phòng luật sư D, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

3.Luật sư **Lê Mạnh C** – Văn phòng luật sư Mạnh C, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt;

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Ngoài ra, còn có bị cáo Lê Hữu C không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2023, có một đối tượng tên H (chưa rõ lai lịch) sử dụng điện thoại số 0845420420 và 0888444420 liên lạc với Ksơr M, rủ M tham gia mua bán cần sa, M đồng ý. Sau đó, H lập nhóm "S" trên nền tảng Telegram gồm có H và M để trao đổi thông tin mua bán cần sa. M rủ thêm Lê Hữu C cùng tham gia, C đồng ý nên M đã cho C tham gia vào nhóm "S". H cung cấp cần sa cho M, M cất giấu cần sa tại Phòng B nhà số B đường N, Phường B, quận P nơi M thuê. Khi có người mua cần sa, thì qua nhóm "S", H nhắn tin cho M tên, địa chỉ, số điện thoại và khối lượng cần sa khách cần mua. M cân cần sa, đóng gói rồi gọi điện thoại báo cho C để C đến lấy mang đi giao cho người mua; người mua trả tiền bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của H. Mỗi đơn hàng, H trả công cho M 100.000đ; thông qua M, H trả cho C từ 30.000đ đến 60.000đ/đơn hàng (tùy theo địa chỉ giao gần hay xa).

Sáng ngày 22/8/2023, M gọi điện thoại cho C hỏi "hôm nay có chạy không" (hàm ý hỏi có đi giao ma túy không). C trả lời "Có". Khoảng 10 giờ cùng ngày, H nhắn tin vào nhóm "S" đơn hàng khách mua cần sa như sau: *"#235, 434 lê hồng phong nha, địa chỉ nhà xe 0868043130; tên Đại Đào, ship về trạm Phương Lâm; gửi nhà xe"; "#236, 33-đường 42 – phườngbình trưng đông- quận 2-tphcm; Tên người nhận: Hải; Sđt: 0349640758"; "#237, 685 Âu cơ – tân thành – tân phú; 0703389144 – Tân"*.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, M đưa cho C 03 gói hàng gồm: 01 hộp giấy hình chữ nhật chứa cần sa bán cho người mua ở địa chỉ 685 A, phường T, quận T (Tấn, số điện thoại 0703389144); 01 hộp giấy hình vuông chứa cần sa gửi nhà xe số b đường L, số điện thoại 0868043130, tên Đ, ship về trạm P; 01 túi nylon màu trắng đựng 01 hộp giấy màu đen có in chữ BLACK TRUFFLES chứa cần sa bán cho khách tên H, số điện thoại: 0349640758 - Số 33, Đường 42, phường Bình Trưng Đông, Quận 2. C bỏ 03 gói hàng vừa nêu vào ba lô xanh để

trên ba ga xe máy Honda Wave biển số 59S3-617.86, rồi điều khiển xe đến trước sảnh Block A, chung cư O địa chỉ 685 A, phường T, quận T. C lấy 01 hộp cần sa của người đặt mua tên T (chưa rõ lai lịch) để ở gác ba-ga xe, chờ T đến lấy thì bị Công an quận Tân Phú kiểm tra bắt quả tang. Công an đã thu giữ của C:

-01 túi nylon màu trắng đựng 01 hộp giấy in chữ BLACK TRUFFLES chứa 01 hộp kim loại bên trong hộp kim loại chứa thảo mộc khô cần sa;

-01 hộp giấy hình chữ nhật bên trong có 01 gói nylon chứa thảo mộc khô cần sa;

-01 hộp giấy hình vuông đựng 01 hộp giấy in chữ BLACK TRUFFLES chứa 01 hộp kim loại bên trong hộp kim loại chứa thảo mộc khô cần sa.

Qua truy xét Cơ quan điều tra đã bắt giữ Ksơr M và khám xét khẩn cấp chỗ ở của M tại phòng B nhà số B đường N, Phường B, quận P, thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ được tại đây:

-01 thùng cacton bên trong chứa 12 hũ nhựa đựng thảo mộc khô;

-01 thùng carton bên trong có 09 gói nylon chứa thảo mộc khô;

-01 thùng carton bên trong có 72 gói nylon chứa thảo mộc khô, các viên nén bên trong mỗi viên có chất bột màu nâu, các viên nén màu trắng và các gói hút oxy;

-01 thùng carton bên trong có 80 hũ nhựa chứa tinh dầu màu nâu và 02 cân điện tử.

Căn cứ Kết luận giám định số 9298/KL-KTHS ngày 08/9/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh đối với các chất thu giữ đã nêu, xác định được như sau:

- Gói 01: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m_1 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có khối lượng 9,9776g là Cần sa.

- Gói 02: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m_2 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có khối lượng 4,9657g là Cần sa.

- Gói 03: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m_3 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có khối lượng 52,6671g là Cần sa.

- Gói 04:

+ Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m_4 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có tổng khối lượng 176,25g, không đủ cơ sở xác định có ma túy hay không.

+ Bột màu nâu được ký hiệu mẫu m_5 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có tổng khối lượng 121,07g, không tìm thấy ma túy.

+ 72 viên nén màu trắng được ký hiệu mẫu m_6 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có tổng khối lượng 46,09g, không tìm thấy ma túy.

- Gói 5: Tinh dầu màu nâu được ký hiệu mẫu m_7 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có tổng thể tích 77,51 ml, đều tìm thấy Delta 9 – Tetrahydrocanabinol.

- Gói 6:

+ Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m_8 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có tổng khối lượng 617,60g, đều là Cần sa.

+ Bột màu nâu được ký hiệu mẫu m_9 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có tổng khối lượng 38,22g, không tìm thấy ma túy.

- Gói 7:

+ Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m_{10} cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có tổng khối lượng 943,83g, đều là Cần sa.

+ Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m_{11} cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có khối lượng 16,82g, không đủ cơ sở xác định có ma túy hay không.

M khai rằng số ma túy đã nêu do H đưa H cất giữ để bán cho khách có nhu cầu nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện thu giữ. Từ khi tham gia bán ma túy, M đã được H trả công tổng cộng là 90.000.000đ, C được hưởng lợi 30.000.000đ.

Ngoài ra, M còn khai nhận đã chuyển các đơn hàng bán cần sa cho các số thuê bao điện thoại đặt mua gồm: 0979995430; 0963063072; 0912509243; 0932858887; 0901892779; 0868463250; 0349252707; 0865442420; 0783297448; 0938242626; 0938237424; 0908150397; 0772905622; 0775771608; 0917010363; 0335023553; 0782360766; 0913540431; 0949958456; 0582806803; 0588955051 các đơn hàng này đều do H gửi cho M để giao cho khách mua cần sa.

Tại cơ quan điều tra, các C và M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Kết quả xác minh về các số điện thoại có liên quan như sau:

-Số thuê bao 0845420420 (M khai do H sử dụng): Người đăng ký sử dụng là Nguyễn Phi T, thường trú Khu phố B, phường B, thị xã B, tỉnh Q, CMND số 044092005073. Nhưng thực tế thì không có người nào tên Nguyễn Phi T ở địa chỉ vừa nêu (bl.267, 386-390).

-Số thuê bao 0888444420 (M khai H sử dụng): Thông tin người đăng ký là ông Trần Văn Đ, cư trú tại xã Đ, huyện D, tỉnh H, CMND số 168502536 đứng tên đăng ký sử dụng. Nhưng ông Đương cho biết, cuối năm 2014, ông đã bị mất chứng minh nhân dân và có trình báo Công an và làm lại chứng minh nhân dân. Ông Đ không đăng ký sử dụng thuê bao đã nêu (bl.267, 309-319).

-Số thuê bao 0868043130: Người đăng ký thuê bao là ông Trần Đại Đ, sinh năm 1981, cư trú tại P, T, T, tỉnh B, CMND số 273089054. Hiện tại, ông Đ và gia đình bỏ địa phương, làm gì, ở đâu không rõ (bl.266, 367-369).

-Số thuê bao 0703389144: Người đăng ký là ông Trương Hoàng Anh T, sinh năm 2001, thường trú tại đường số T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông T không thực tế cư ngụ tại địa chỉ vừa nêu, đã bán nhà, không còn sinh sống từ năm 2015(bl.257).

-Số thuê bao 0349640758: Người đăng ký là ông Nguyễn Đức H, sinh năm 2002, đăng ký thường trú tại KP4, Đ, P, tỉnh N, nhưng hiện tại không rõ ông Hsinh sống ở đâu (265, 347-351).

-Số thuê bao 0979995430: Ông Vũ Viết S, sinh năm 1965, thường trú tại đường N, Phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký sử dụng. Năm 2013, thì ông S để cho con đẻ là anh Vũ Huy H, sinh năm 1996 sử dụng số điện thoại đã nêu. Ngày 20/08/2023, anh H có sử dụng số điện thoại đã nêu, liên lạc với tài khoản Telegam tên "H" đặt mua khoảng 02g cần sa với giá 200.000đ để sử dụng và đã sử dụng hết (bl.266, 304-308).

-Số thuê bao số 0963063072: Do ông Lê A, địa chỉ thường trú: ấp M, M, Thành phố C, tỉnh Đ, CMND số 342003752 đăng ký sử dụng. Ngày 21/08/2023, ông A sử dụng số điện thoại đã nêu liên hệ với liên lạc với tài khoản Telegam tên "H" đặt mua 05gam cần sa với giá 1.300.000đ để sử dụng cho bản thân. A đã sử dụng hết số cần sa đã nêu (bl.293-301).

-Số thuê bao 0912509243: Do ông Trương Thành H, địa chỉ thường trú: Tổ M, xã T, huyện T, Thành phố C, tỉnh Đ, CMND số 087200017659 đứng tên đăng ký. Ông H có sử dụng số điện thoại đã nêu liên hệ với H qua Telegram, mua 05g cần sa để sử dụng và đã sử dụng hết (bl.371-373).

-Số thuê bao 0932858887: Do anh Đặng Hữu P, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú tại Số M đường T, Phường M, thành phố V, tỉnh B đứng tên đăng ký. Tháng 08/2023, ông P có liên hệ với tại khoản Telegram "H" mua 500.000đ cần sa để sử dụng và đã sử dụng hết (bl.251, 353-354).

-Số thuê bao số 0901892779: Do anh Tống Xuân H, sinh năm 1992, địa chỉ thường trú tại H, Thôn T, xã T, huyện D, tỉnh L, CCCD số 250962398 đứng tên đăng ký. Anh H cho biết từ tháng 08/2023, anh H thường đặt mua hàng trên các trang mạng xã hội và cũng cho bạn bè mượn điện thoại để đặt mua hàng, anh không mua cần sa và cũng không biết ai tên H hay Ksơr M (bl.248-249, 375-376).

-Số thuê bao số 0868463250: Do người có tên Trần Bá Phi N, sinh năm 2002, địa chỉ thường trú tại Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, CCCD số 079202014102 đăng ký sử dụng. Nhưng thực tế không có ai tên Trần Bá Phi Nnhư đã nêu (bl.263, 380-385).

-Số thuê bao số 0349252707: Do người có tên Bùi Thị N, sinh năm 1978, cư trú tại P, quận C, thành phố H đăng ký sử dụng. Nhưng tại địa chỉ vừa nêu không có người nào tên Bùi Thị N (bl.264, 364-366).

-Số thuê bao 0865442420: Do người có tên Trần Anh V, sinh năm 1995, cư trú tại đường H, Phường B, thành phố V, tỉnh B, CMND số 273553573. Nhưng thực tế không có ai tến Trần Anh V cư trú tại địa chỉ vừa nêu (bl.261, 361-362).

-Số thuê bao 0783297448: Do anh Đặng Dương H, sinh năm 2000, cư trú tại ấp V, xã X, huyện L, tỉnh Đ đứng tên đăng ký Nhưng anh H cho biết anh không đặt mua cần sa vào ngày 20/08/2023, anh cũng không biết H và Ksơr M (bl.250, 237-358).

-Số thuê bao số 0938242626: Do Công ty cổ phần H địa chỉ số K Đường số C, khu đô thị M, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký (bl. 254). Đại diện Công ty H cho biết từ tháng 5/2023, Công ty H đã ngưng sử dụng số thuê bao đã nêu. Hiện ai đang sử dụng thuê thì Công ty không biết (bl.324-329).

-Số thuê bao số 0938237424: Do ông Nguyễn Văn Xuân L, sinh năm 1970, thường trú tại đường N, Phường M, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký. Ông L cho biết khoảng giữa tháng 07/2023 thì ông bị mất điện thoại và số thuê bao đã nêu nhưng do bận công việc nên ông L chưa đi làm lại sim. Ông L không đặt mua cần sa và cũng không biết Ksơr M và H (bl.320-323).

-Số thuê bao 0908150397: Do ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, cư trú tại đường N, Phường B, Quận G là người đăng ký (b.252). Ông T cho biết vào năm 2018, ông T bị mất điện thoại và sim nhưng ông T không đi làm sim lại. Ông T không mua cần sa và cũng không quen biết Ksơr M và H (bl.343-346).

-Số thuê bao số 0772905622: Thông tin người đăng ký sử dụng là Bùi Tú N, sinh năm 2001, cư trú tại đường T, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không có người tên Bùi Tú Nam cư trú tại địa chỉ vừa (bl.256, 341).

-Số thuê bao 0775771608: Do Võ Cao Như Q, sinh năm 1995, cư trú tại đường L, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký sử dụng nhưng Quỳnh không có mặt tại địa phương (bl.340).

-Số thuê bao 0917010363: Do ông Trần Đình T, sinh năm 2005, cư trú tại đường T, phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký sử dụng nhưng Thuận không thực tế cư trú tại địa chỉ vừa nêu (bl. 267, 338).

-Số thuê bao 0335023553: Do N, sinh năm 1985, cư trú tại T, quận C, Hà Nội đăng ký sử dụng (bl.259). Cơ quan CSĐT Công an quận Tân Phú đã ủy thác cho Cơ quan CSĐT Công an quận C, thành phố Hà Nội xác minh nhưng chưa có kết quả (bl.336).

-Số thuê bao 0782360766: Do Phạm Nam H, sinh năm 2000, cư trú tại phường N, quận C, Thành phố Hà Nội đứng tên đăng ký (bl.258). Cơ quan CSĐT

Công an quận Tân Phú đã ủy thác cho Cơ quan CSĐT Công an quận C, Thành phố Hà Nội xác minh nhưng đến nay chưa có kết quả (bl.334).

-Số thuê bao số 0913540431: Do Nguyễn Đức T, cư trú tại số N đường P, Phường M, thành phố Đ, tỉnh L đăng ký sử dụng (bl.267). Cơ quan CSĐT Công an quận Tân Phú đã ủy thác cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ, tỉnh Đ xác minh nhưng chưa có kết quả.

-Số thuê bao 0949958456: Do Đặng Tuấn K, cư trú tại KP N, huyện K, tỉnh K đứng tên đăng ký (bl.267). Cơ quan CSĐT Công an quận Tân Phú đã ủy thác cho Cơ quan CSĐT Công an huyện K, tỉnh K xác minh nhưng đến nay chưa có kết quả.

-Số thuê bao 0582806803 và 0588955051: Cơ quan CSĐT Công an quận Tân Phú đã xác minh tại Chi nhánh Công ty cổ phần viễn thông di động Vietnammobile nhưng đến nay chưa có kết quả.

Ngoài các vật chứng thu giữ đã nêu, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của M và C:

-01 ba lô màu xanh, 01 túi nylon màu trắng, C sử dụng để đựng cần sa mang đi bán;

-01 xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 59S3-617.86, số khung: RLHJA3842NY115864, số máy: JA52E-0383714, C sử dụng làm phương tiện đi bán cần sa.

-01 điện thoại di động hiệu IQ005G màu xanh xám, C sử dụng liên lạc bán cần sa;

-01 áo khoác ghi chữ AhaMove, là trang phục C mặc khi đi bán cần sa cho khách.

-01 cân điện tử màu đen, Ksơr M dùng để cân ma túy cần sa.

-01 cân điện tử hiệu Analytical Balance, M dùng để cân cần sa.

-01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imei: 354185105888557, M dùng để liên lạc cá nhân.

-01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei : 353889100467447, M sử dụng để liên lạc mua bán cần sa.

Tại bản cáo trạng số 90/CT-VKSQ.TP ngày 04/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Ksơr M, Lê Hữu C về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại bản án hình sự sơ thẩm 79/2024/HSST ngày 06/5/2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 56/2024/TB-TA ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Ksơr M 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 25/08/2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt bị cáo Lê Hữu C 07 năm tù cũng về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng các biện pháp tư pháp; tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/5/2024, bị cáo M có đơn kháng cáo với nội dung như sau: Mức án mà Tòa án nhân dân quận Tân Phú xử phạt bị cáo là quá nặng, bị cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo M giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo M có nộp một số tài liệu: Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án, ghi nhận bà Nguyễn Thị Tiệp (mẹ của bị cáo M) nộp 30.000.000đ thay cho bị cáo M để "khắc phục hậu quả"; bản sao nhiều Bằng khen; Huân chương của ông Ksơr Lành (cha của bị cáo M) và ông A Ma Phim (ông nội bị cáo).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết kháng cáo như sau: Căn cứ lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bị cáo M đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Mặc dù mẹ bị cáo có tự nguyện nộp lại 30.000.000đ tiền thu lợi bất chính thay cho bị cáo được xem là tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt là tương xứng với tính chất mức độ phạm tội. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo như sau: Đây là vụ án có đồng phạm mà H là kẻ chủ mưu, bị cáo chỉ là người giữ vai trò giúp sức thứ yếu; bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức về pháp luật có phần hạn chế, do nông nổi nên mới phạm tội; gia đình có truyền thống cách mạng; mẹ bị cáo đã thay bị cáo nộp lại một phần thu lợi bất chính. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với ý kiến bào chữa của các luật sư, không có ý kiến bào chữa bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với các luật sư như sau: Bị cáo phạm tội liên tục nên không thể cho là do nông nổi. Tại phiên tòa, bị cáo khai rằng bị cáo nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là trái luật. Tình tiết giảm nhẹ liên quan đến việc gia đình bị cáo nộp lại số tiền 30.000.000đ không phải là tình tiết khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết mới thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nhưng không mang giá trị giảm nhẹ nhiều. Nếu Cơ quan điều tra bắt được đối tượng H thì có thể xác định hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp có tổ chức là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Luật sư Đức đối đáp đại diện Viện kiểm sát như sau: Bị cáo biết một số nước trên thế giới cho phép sử dụng cần sa nên bị cáo nghĩ cần sa được phép sử dụng ở Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với luật sư Đức: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận bị cáo đã học hết lớp 12 và nhận thức được tác hại của ma túy. Nếu bị cáo không hiểu biết về pháp luật thì sẽ không biết được nước nào cấm và nước nào cho phép sử dụng cần sa.

Luật sư Đức đối đáp với đại diện Viện kiểm sát như sau: Bị cáo biết cần sa là ma túy nhưng do bị cáo có nhận thức hạn chế nên bị cáo nghĩ cần sa không có tác hại như các loại ma túy khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1].Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2].Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ để xác định:

Vì động cơ vụ lợi, bị cáo Ksơr M và Lê Hữu C và một đối tượng tên H không rõ lai lịch đã tham gia vào việc mua bán ma túy là cần sa và chất Delta 9 – Tetrahydrocanabinol.

H, M và C lập nhóm "S" trên nền tảng Telegram để trao đổi thông tin mua bán ma túy với nhau. H là người cung cấp ma túy giao ma túy cho M, M cất giấu ma túy tại Phòng B nhà số B đường N, Phường B, quận P là nơi M thuê. Khi có người mua cần sa, thì qua nhóm "S", H nhắn tin cho M tên, địa chỉ, số điện thoại và khối lượng cần sa khách cần mua. M cân cần sa, đóng gói rồi gọi điện thoại báo cho C để C đến lấy mang đi giao cho người mua; người mua trả tiền bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của H. Mỗi đơn hàng, H trả công cho M 100.000đ;

thông qua M, H trả cho C từ 30.000đ đến 60.000đ/đơn hàng (tùy theo địa chỉ giao gần hay xa).

Vào ngày 22/8/2023, khi C mang 03 gói hàng (bên trong là ma túy) đi giao cho 03 người mua thì bị bắt quả tang ở trước sảnh Block A, chung cư O địa chỉ 685 A, phường T, quận T. Khi tiến hành khám xét nơi ở của M tại phòng B nhà số B đường N, Phường B, quận P, thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng Công an tiếp tục thu giữ được ma túy mà M cất giữ tại đây.

Theo Kết luận giám định số 9298/KL-KTHS ngày 08/9/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh thì số "thảo mộc" thu giữ được của M được kết luận là cần sa có tổng khối lượng là 1.629,0404g; tinh dầu màu nâu trong 80 hũ nhựa có tổng thể tích là 77,51ml, có chứa chất Delta 9 – Tetrahydrocanabinol.

[3]. Theo quy định tại Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ thì Cần sa, các chế phẩm từ cần sa, chất Delta 9 – Tetrahydrocanabinol là các chất ma túy. Ma túy (nói chung) là chất gây nghiện độc hại. Việc sử dụng ma túy gây ra nhiều hệ lụy cho xã hội, là nguyên nhân đã đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Chính vì vậy, pháp luật Nhà nước ta đã nghiêm cấm việc mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nhiều lần.

[4].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5].Về kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo là người dân tộc Ê Đê; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có cha đẻ và ông nội là người có công với Cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương và Bằng khen. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, mẹ bị cáo có tự nguyện nộp 30.000.000đ thay cho bị cáo để thi hành việc áp dụng biện pháp tư pháp mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Đây, cũng cần được xem là tình tiết giảm nhẹ.

Mặc dù bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ như đã nêu nhưng mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là mức án nhẹ trong khung hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm. Do vậy, cần giữ nguyên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo; không chấp nhận

kháng cáo của bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Các nhận định đã nêu cũng là lập luận và căn cứ để không chấp nhận ý kiến bào chữa của các luật sư.

[6].Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1.Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ksơr M; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 79/2024/HSST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí M.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Ksơr M** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2023.

2.Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Công Huấn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP .HCM; (3)
- VKSND quận Tân Phú; (1)
- P. PC27 – CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Đương sự; (1)
- Người bào chữa; (2)
- THA quận Tân Phú; (1)
- TAND quận Tân Phú; (1)
- Công an quận Tân Phú; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ. (21) (4)